

Số: /BC-SYT

Đắk Lắk, ngày

tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO NHANH

Tình hình phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ngày 02/3/2022

(Từ 17h00 ngày 01/3/2022 đến 17h00 ngày 02/3/2022)

I. THÔNG TIN TÌNH HÌNH DỊCH

1. Tình hình ca mắc mới trong ngày

TT	Địa phương	Ca mới	Nơi phát hiện					Tích lũy ca mắc	DTTS	Xuất viện	Tử vong
			Cộng đồng	CL tại nhà	Khu cách ly	Khu PT	Sàng lọc				
1	TP.BMT	1082	1072	10	0	0	0	15853	2409	8889	39
2	H. Lắk	1	1	0	0	0	0	1795	1279	1292	6
3	H. Krông Bông	123	61	60	0	0	2	1356	492	627	3
4	H. Krông Buk	51	21	22	0	0	8	1709	1130	1340	8
5	H. Ea H'Leo	84	78	6	0	0	0	1613	428	845	2
6	H. Krông Pắc	145	123	17	0	0	5	2387	459	977	7
7	H. Krông Ana	85	48	37	0	0	0	1869	739	1179	4
8	H. Cư M'Gar	235	185	50	0	0	0	3583	1463	2009	12
9	H. Ea Súp	57	50	7	0	0	0	1059	295	590	1
10	H. M'Đrăk	68	28	36	0	0	4	1100	584	687	0
11	H. Krông Năng	161	143	18	0	0	0	1343	398	516	5
12	H. Ea Kar	147	118	29	0	0	0	2237	573	1178	3
13	H. Buôn Đôn	100	93	7	0	0	0	1123	319	440	1
14	H. Cư Kuin	84	72	11	0	0	1	1925	699	1215	11
15	TX. Buôn Hồ	119	66	53	0	0	0	2413	765	1490	18
	TỔNG	2542	2159	363	0	0	20	41365	12032	23274	120

- Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã ghi nhận **41.365** trường hợp mắc COVID-19, trong đó có **23.274** trường hợp xuất viện, **120** trường hợp tử vong (04 trường hợp tử vong trong ngày, trong đó có 01 trường hợp tử vong tại nhà), hiện còn điều trị **23.274** trường hợp.

- Tỷ lệ DTTS mắc COVID-19 trên toàn tỉnh chiếm **29,1%** số ca mắc

- Tỷ lệ mắc/100.000 dân trung bình của toàn tỉnh là **2212,8/100.000** dân

- Toàn tỉnh có **5.878** tổ COVID cộng đồng đang hoạt động.

2. Tình hình cách ly, phong tỏa

a) Tình hình cách ly tập trung, cách ly tại nhà:

TT	Địa phương	Số trường hợp cách ly tập trung			Số trường hợp cách ly tại nhà		
		Mới	Tích lũy	Còn cách ly*	Mới	Tích lũy	Còn cách ly*
1	Tuyên tỉnh	0	74	0			
2	TP.BMT	0	243	0	980	12934	3886
3	TX. Buôn Hồ	0	108	0	126	5054	882
4	H. Ea H'Leo	0	16	0	80	2433	223
5	H.Krông Năng	0	0	0	286	2927	1045
6	H. Cư M'Gar	0	851	11	84	4961	664
7	H. M'Đrăk	11	790	62	57	4198	105
8	H. Ea Kar	0	830	0	621	6281	553
9	H. Krông Pắc	5	154	10	230	4925	1836
10	H. Krông Bông	0	59	11	123	10010	1340
11	H. Krông Ana	0	17	0	152	1990	1000
12	H. Cư Kuin	0	0	0	84	2345	417
13	H. Lắk	2	567	23	163	1754	263
14	H. Buôn Đôn	50	305	72	477	3842	863
15	H. Ea Sup	0	0	0	119	3997	294
16	H. Krông Buk	0	0	0	20	2181	450
	TỔNG	68	4014	189	3602	69832	13821

B) Số lượng công dân từ vùng dịch trở về huyện/TP/TP (từ 01/01/2022)

TT	Địa phương	Số người hôm qua	Số người hôm nay	Cộng dồn
1	TP.BMT	0	0	3232
2	TX. Buôn Hồ	0	0	5479
3	H. Ea H'Leo	8	1	4504
4	H. Krông Năng	104	286	2792
5	H. Cư M'Gar	0	0	4389
6	H. M'Đrăk	0	0	1527
7	H. Ea Kar	-	44	11556
8	H. Krông Pắc	400	438	29756
9	H. Krông Bông	0	0	5608
10	H. Krông Ana	0	0	280
11	H. Cư Kuin	0	0	614
12	H. Lắk	0	0	648
13	H. Buôn Đôn	-	0	2137
14	H. Ea Sup	0	0	566
15	H. Krông Buk	100	0	220
	TỔNG	612	769	73308

3. Tình hình lấy mẫu xét nghiệm

TT	Địa phương	Test nhanh kháng nguyên				Xét nghiệm RT-PCR				
		Trong ngày		Tổng		Trong ngày		Tổng		Chờ kết quả
		Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	
1	CDC*	139	6	4071	57	0	0	1018	31	0
2	TP.BMT	3955	1081	35380	12547	0	0	21	16	0
3	TX. Buôn Hồ	158	119	6017	966	0	0	5	0	0
4	H. EaH'Leo	154	56	14731	780	0	0	0	0	0
5	H.Krông Năng	399	322	4750	1958	0	0	0	0	0
6	H. Cư M'Gar	320	97	11723	1913	0	0	1	1	0
7	H. M'Đrăk	80	68	13353	941	0	0	0	0	0
8	H. Ea Kar	899	571	10985	1989	0	0	0	0	0
9	H. Krông Pắc	265	160	15795	1717	0	0	0	0	0
10	H.Krông Bông	342	123	9212	1198	0	0	0	0	0
11	H. Krông Ana	235	85	5444	996	0	0	0	0	0
12	H. Cư Kuin	131	93	2146	861	0	0	3	2	0
13	H. Lắk	153	76	3040	1239	0	0	33	26	0
14	H. Buôn Đôn	1108	346	9382	910	0	0	113	6	0
15	H. Ea Sup	57	57	16278	878	0	0	37	37	0
16	H. Krông Buk	55	51	2146	759	0	0	0	0	0
	TỔNG	8450	3311	164453	29709	0	0	1231	119	0

4. Hoạt động tiêm vắc xin COVID-19

a) Tổng số vắc xin đã nhận

	Loại vắc xin	Vắc xin nhận	Số mũi tiêm thực hiện	Tỷ lệ (%)
	TỔNG	3.321.438	3.335.969	100,4
1	AstraZeneca	925.030	914.944	98,9
2	Comirnaty	1.169.358	1.235.322	105,6
3	Moderna	166.810	124.201	74,5
4	Sinopharm	1.060.240	1.061.502	100,1

b) Kết quả tiêm vắc xin như sau:

TT	Nhóm đối tượng	Số đối tượng	Mũi 1		Mũi 2		Mũi 3	
			Số tiêm	Tỷ lệ (%)	Số tiêm	Tỷ lệ (%)	Số tiêm	Tỷ lệ (%)
1	18 tuổi trở lên	1.266.098	1.236.837	97,5	1.193.321	94,1	566.981	44,7
2	50 tuổi trở lên	361.984	353.653	97,7	343.536	94,9	91.493	25,3
3	65 tuổi trở lên	103.549	103.001	99,5	97.367	94,0	48.455	46,8
4	PNCT từ 13 tuần tuổi thai	22.934	22.669	98,8	21.612	94,2	4.263	18,6
5	TE 15-17 tuổi	80.616	78.512	97,4	72.674	90,1		
6	TE 12-14 tuổi	105.147	99.549	94,7	91.484	87,0		

5. Công tác điều trị trong ngày

Tổng số bệnh nhân COVID-19: **41.365** trường hợp mắc COVID-19, trong đó có **23.274** trường hợp xuất viện, **120** trường hợp tử vong (04 trường hợp tử vong trong ngày, trong đó có 01 trường hợp tử vong tại nhà), hiện còn điều trị **23.274** trường hợp.

a) Tại các cơ sở thu dung điều trị:

TT	Cơ sở điều trị	Số giường bệnh	Số BN của ngày hôm trước	Số BN ngày hôm nay	Trong đó				
					Mới	Chuyển tuyến trên	Chuyển tuyến dưới	Ra viện	Tử vong
1	BV Dã chiến 01	1000	385	314	14	0	2	83	0
2	TTYT Không Búk	230	224	216	25	0	0	33	0
3	BV khu vực 333	300	205	153	0	0	0	52	0
4	BV Lao và Bệnh Phổi	100	126	131	10	0	0	5	0
5	BVĐK Vùng TN (Khu G)	92	83	80	8	0	0	1	3
	Khu Nhi BV Vùng (Khu E)	40	28	34	6	0	0	0	0
Tổng		1762	1051	928	63	0	2	174	3

- Phân loại theo mức độ lâm sàng (n = 928)

TT	Cơ sở điều trị	Không có biểu hiện lâm sàng	Mức độ nhẹ (VĐHH Cấp)	Mức độ vừa (Viêm phổi)	Mức độ nặng (Viêm phổi nặng)	Mức độ nguy kịch				Hội chứng viêm hệ thống liên quan COVID-19 TE
						ARDS	Nhiễm trùng huyết	Sốc nhiễm trùng	Khác	
1	BV Dã chiến 01	105	209	0	0	0	0	0	0	0
2	TTYT Không Búk	205	11	0	0	0	0	0	0	0
3	BV khu vực 333	2	139	12	0	0	0	0	0	0
4	BV Lao và Bệnh Phổi	0	0	117	14	0	0	0	0	0
5	BVĐK VTN (Khu G)	0	24	20	31	5	0	0	0	0
	Khu Nhi BV Vùng (Khu E)	17	11	4	2	0	0	0	0	0
Tổng		329	394	153	47	5	0	0	0	0
Tỷ lệ %		35.5	42.5	16.5	5.1	0.5	0.0	0.0	0.0	0.0

- Điều trị liên quan đến suy hô hấp (n= 928)

TT	Cơ sở điều trị	Bình thường	Thở Oxy	HFNC	Thở máy không xâm nhập	Thở máy xâm nhập	ECMO
1	BV Dã chiến 01	314	0	0	0	0	0
2	TTYT Không Búk	216	0	0	0	0	0
3	BV khu vực 333	151	2	0	0	0	0
4	BV Lao và Bệnh Phổi	117	14	0	0	0	0
5	BVĐK VTN (Khu G)	44	22	8	1	5	0
	Khu Nhi BV Vùng (Khu E)	33	1	0	0	0	0
Cộng		875	39	8	1	5	0
Tỷ lệ %		94.3	4.2	0.9	0.1	0.5	0.0

b) Điều trị F0 tại nhà: mới 2.378 trường hợp, tích lũy **19.986** trường hợp, 4.624 trường hợp khỏi bệnh, chuyển tuyến 122 trường hợp, hiện còn điều trị **15.240** trường hợp.

	Địa phương	Mới	Tích lũy	Khỏi bệnh	Tích lũy khỏi bệnh	Chuyển tuyến trong ngày	Tích lũy chuyển tuyến	Còn điều trị
1	TP. BMT	1212	11105	502	2851	0	32	8222
2	H. Lắk	72	978	110	505	0	0	473
3	H. Krông Bông	-	54	-	0	-	0	54
4	H. Krông Buk	17	150	0	0	0	0	150
5	H. Ea H'leo	-	213	-	10	-	0	203
6	H. Krông Pắc	154	1264	103	385	0	3	876
7	H. Krông Ana	82	656	15	102	12	59	495
8	H. Cư M'gar	174	1078	28	126	0	2	950
9	H. Ea Sup	56	387	0	0	0	0	387
10	H. M'Drak	57	230	0	0	0	0	230
11	Krông Năng	94	723	82	172	0	0	551
12	H. Ea Kar	147	728	0	1	0	0	727
13	H. Buôn Đôn	69	627	2	154	0	5	468
14	H. Cư Kuin	100	881	24	146	0	0	735
15	Tx Buôn Hồ	144	912	19	172		21	719
	Tổng	2378	19986	885	4624	12	122	15240

c) Tình hình điều trị tại Bệnh viện/TTYT

TT	Đơn vị	Nơi bố trí Khu điều trị	Số giường bệnh	Số bệnh nhân	Còn trống	Có Kế hoạch
1	BV TP Buôn Ma Thuột	Bệnh viện	34	30	4	x
2	TTYT Cư M'gar	TTYT	80	88	-8	x
3	BV TX Buôn Hồ	Bệnh viện	40	0	40	x
4	TTYT Krông Buk	TTYT	230	224	6	x
5	TTYT Ea H'Leo	TTYT (Cơ sở 2)	100	28	72	x
6	TTYT Krông Năng	TTYT (Cơ sở 2)	50	0	50	x
7	TTYT Krông Pắc	TTYT (Cơ sở 2)	100	52	48	x
8	TTYT Ea Kar	TTYT (Khu CA huyện cũ)	50	0	50	x
9	TTYT M'Drăk	TTYT (Cơ sở 2)	100	86	14	x
10	TTYT Cư Kuin	TTYT	50	10	40	x
11	TTYT Krông Bông	TTYT	40	24	16	x
12	TTYT Buôn Đôn	TTYT (Cơ sở 2)	150	72	78	x
13	TTYT Ea Súp	TTYT	34	6	28	x
14	TTYT Krông Ana	TTYT (Cơ sở 2)	50	2	48	x
15	TTYT Lắk	TTYT	50	28	22	x
	Cộng		1158	650	508	100%

II. TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

- Sở Y tế đang điều **167** nhân lực/ tổng **1.330** lượt điều động để phục vụ cho công tác phòng, chống dịch từ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc và huy động giảng viên, sinh viên tình nguyện thuộc các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe tham gia công tác phòng, chống dịch trên địa bàn (*Chi tiết tại phụ lục*).

Trên đây là báo cáo tình hình COVID-19 của Sở Y tế./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy (*báo cáo*);
- UBND tỉnh (*báo cáo*);
- BCĐ PCD COVID-19 tỉnh (*báo cáo*);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Sở Thông tin và truyền thông;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Các tổ chức TMTH-CMNV Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVYD.

Nay Phi La

Phụ lục: TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ
(Từ 01/01/2022 đến nay)

1) Các đơn vị đã tiếp nhận nhân lực điều động:

TT	Đơn vị tiếp nhận	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	Điều dưỡng/ Nữ hộ sinh/Y sĩ	Kỹ thuật viên	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên, sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	2									2	24
2	Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên								11	1	12	21
3	Bệnh viện Dã chiến số 01 tỉnh Đắk Lắk	22	34	3	6	5	2		6	10	88	268
4	Bệnh viện Dã chiến số 02 tỉnh Đắk Lắk										0	76
5	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh							5			5	36
6	Trung tâm Y tế thành phố Buôn Ma Thuột							10	17		27	618
7	Trung tâm Y tế thị xã Buôn Hồ	2									2	202
8	Trung tâm Y tế huyện Krông Búk	1	8	8					4		21	75
9	Khu cách ly Trường Cao đẳng Công nghệ Tây Nguyên	4	6								10	10
TỔNG CỘNG		31	48	11	6	5	2	15	38	11	167	1330

2) Nhân lực tham gia điều động

TT	Đơn vị	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	Điều dưỡng/ Nữ hộ sinh/Y sĩ	Kỹ thuật viên	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên, sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Y tế công lập	31	48	11	6	5	2	0	0	11	114	788
1.1	Sở Y tế	1									1	1
1.2	BVĐK vùng Tây Nguyên	6	1	1	3	1				3	15	84
1.3	BVĐK BMT	11	16	1	0	2	1			7	38	99
1.4	CDC	4		8						1	13	41
1.5	TTYT huyện Buôn Đôn	2	3								5	28
1.6	Bệnh viện Y học cổ truyền		2			1					3	82
1.7	TTYT huyện Cư M'gar		4								4	58
1.8	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm				3						3	9
1.9	TTYT huyện Ea Súp	1	1								2	10
1.10	TTYT huyện Lắk	1	4								5	25
1.11	TTYT huyện Krông Pắc										0	9
1.12	TTYT huyện Ea Kar	1	1								2	19
1.13	TTYT huyện Krông Búk										0	1
1.14	Trung tâm Da liễu						1				1	11
1.15	Bệnh viện Mắt Đắk Lắk		1								1	25
1.16	Bệnh viện Tâm thần		4			1					5	18
1.17	TTYT huyện Ea H'leo	1	2								3	46
1.18	TTYT huyện Krông Năng		2								2	28
1.19	TTYT huyện Krông Bông	1									1	23
1.20	TTYT huyện M'Drắk		2	1							3	8
1.21	TTYT huyện Krông Ana		1								1	3
1.22	BVĐK thị xã Buôn Hồ	2									2	33
1.23	TTYT huyện Cư Kuin										0	47
1.24	TTYT TP Buôn Ma Thuột		4								4	80
2	Bệnh viện tư nhân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
2.1	Bệnh viện Nhi Đức Tâm										0	2
3	Trường Đại học, Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	15	0	0	15	345
3.1	Trường Đại học Tây Nguyên							15			15	345
4	Tình nguyện viên								38		38	110
TỔNG CỘNG		31	48	11	6	5	2	15	38	11	167	1245